

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 31-8-2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Việt Triều.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Vũ Minh Hoàng.

Bà Đoàn Thị Sim.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Hồng Huệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thúy Nhị - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Võ Ngọc H, sinh năm 1985 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp K, xã T, huyện P, tỉnh C.

**- Bị đơn:** Ông Lê Văn T, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp K, xã T, huyện P, tỉnh C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 12 năm 2019 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Ngọc H trình bày: Bà và ông Lê Văn T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2007, đến năm 2010 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh C. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, thời gian gần đây vợ chồng

không hiểu nhau, không hòa hợp được trong lối sống, thường xuyên cự cãi, ông T bạo lực gia đình, nhiều lần đánh bà, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 02 năm 2020 đến nay. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Văn T. Trong quá trình chung sống bà và ông T có hai người con chung tên Lê Trường H1, sinh ngày 23 tháng 01 năm 2008 và Lê Như H2, sinh ngày 25 tháng 01 năm 2010, con chung đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi hai người con chung, bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Lê Văn T đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng ông T vắng mặt và không cung cấp lời khai cho Tòa án và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà H.

- Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Võ Ngọc H, cho bà Võ Ngọc H ly hôn với ông Lê Văn T. Giao hai người con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Võ Ngọc H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Lê Văn T, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Lê Văn T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt Lê Văn T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Ngọc H với ông Lê Văn T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh C nên hôn nhân của bà Võ Ngọc H với ông Lê Văn T là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa bà H giữ quan điểm yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn T. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập hợp lệ ông Lê Văn T nhiều lần để tham gia hòa giải và xét xử nhưng ông T vắng mặt, không tham gia hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng và không có ý kiến đối với yêu cầu của bà Võ Ngọc H. Bà H cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm, ông T bạo lực gia đình, nhiều lần đánh bà, bà không còn thương yêu ông T và vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 02 năm 2020 đến nay. Điều này cho thấy vợ chồng không còn thương yêu chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau nên hôn nhân giữa bà Võ Ngọc H với ông Lê Văn T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Võ Ngọc H với về việc yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn T.

[4] Về quyền nuôi con chung: Trong quá trình chung sống bà Võ Ngọc H với ông Lê Văn T có hai người con chung tên Lê Trường H1, sinh ngày 23 tháng 01 năm 2008 và Lê Như H2, sinh ngày 25 tháng 01 năm 2010 do bà H đang trực tiếp nuôi dưỡng, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý và các văn bản cho ông T nhưng ông T vắng mặt, không có ý kiến về yêu cầu nuôi con chung của bà H. Xét thấy, con chung từ khi vợ chồng không còn chung sống với nhau do bà H trực tiếp nuôi dưỡng, hai người con chung có nguyện vọng được chung sống với bà H, bà H xác định đủ điều kiện để nuôi con chung. Để bảo đảm sự phát triển ổn định của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H về việc yêu cầu được trực tiếp nuôi hai người con chung. Giao hai người con chung tên Lê Trường H1, sinh ngày 23 tháng 01 năm 2008 và Lê Như H2, sinh ngày 25 tháng 01 năm 2010 cho bà Võ Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung bà Võ Ngọc H, ông Lê Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đề nghị như nêu trên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà H phải chịu 300.000đ, bà Hiền đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ được chuyển thu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 93 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Võ Ngọc H và ông Lê Văn T.

- Về quyền nuôi con chung: Giao hai người con chung tên Lê Trường H1 (giới tính nam), sinh ngày 23 tháng 01 năm 2008 và Lê Như H2 (giới tính nữ), sinh ngày 25 tháng 01 năm 2010 cho bà Võ Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về án phí: Bà Võ Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0019898 ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, bà Võ Ngọc H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- UBND xã T, huyện P, tỉnh C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Việt Triều**